

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GUIDELINE FOR PROGRAMME DELIVERY
Ngành/Major: Ngành Luật/Law

1. Danh mục môn học tương đương - thay thế/List of equivalent/alternative courses

STT No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1. Danh mục môn học tương đương						
1	Luật dân sự 1	GLAW03990	3	Quy định chung về luật dân sự, tài sản và thừa kế	GLAW03110	3
2	Luật dân sự 2	GLAW03980	3	Nghĩa vụ và hợp đồng	GLAW03120	3
3	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	GLAW02990	2	Lập luận và viết pháp lý	GLAW03040	3
4	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW02980	2	Kỹ năng soạn thảo văn bản	GLAW03090	3
5	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	GLAW03960	3	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	GLAW02110	2
6	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW02970	2	Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ	GLAW02140	2
7	Luật thi hành án dân sự	GLAW03950	3	Luật thi hành án dân sự	GLAW02130	2

78

STT No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
8	Luật môi trường	GLAW03940	3	Luật môi trường	GLAW02090	2
9	Các học thuyết chính trị pháp lý	GLAW02020	2	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý	GLAW03250	3
10	Lịch sử nhà nước và pháp luật	GLAW03930	3	Lịch sử nhà nước, pháp luật và học thuyết chính trị - pháp lý	GLAW03250	3
11	Luật Hiến pháp nước ngoài	GLAW03920	3	Luật hiến pháp nước ngoài	GLAW02100	2
12	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	GLAW03910	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	GLAW02160	2
13	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	GLAW03900	3	Nghề luật và đạo đức nghề luật	GLAW02190	2
14	Quyền con người	GLAW02950	2	Lý luận và pháp luật về quyền con người	GLAW02200	2
15	Thuật ngữ pháp lý Tiếng Anh	BULA03990	3	Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh	BULA02110	2
16	Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp bởi 6 tín chỉ từ những môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành của ngành Luật (không được trùng với môn học đã học (bắt buộc, tự chọn) của chương trình đào tạo ngành Luật)			Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật	GLAW03190	3
				Phân tích án ngành Luật	GLAW03200	3
2. Danh mục môn học thay thế						

STT No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1	Pháp luật cộng đồng ASEAN	GLAW03970	3	Thế chế chính trị và hệ thống pháp luật các nước Đông Nam Á	GLAW02110	2
2	Luật La Mã	GLAW02940	2	Luật hiến pháp nước ngoài	GLAW02100	2
3	Luật cạnh tranh	GLAW03890	3	Luật đầu tư	BULA02040	2
4	Luật ngân hàng	GLAW02930	2	Luật đầu tư	BULA02040	2
3. Danh mục môn học không còn trong CTĐT, sinh viên đăng ký học cùng Khoa khác						
1	Kinh tế học đại cương	ECON03320	3	Kinh tế học đại cương	ECON03320	3
2	Kinh tế vi mô	ECON03020	3	Kinh tế vi mô	ECON03020	3
3	Kinh tế vĩ mô	ECON03030	3	Kinh tế vĩ mô	ECON03030	3
4	An sinh xã hội	SOWO03040	3	An sinh xã hội	SOWO03040	3
5	Tiếng Việt thực hành	ENGL02010	2	Tiếng Việt thực hành	ENGL02010	2
6	Cơ sở ngôn ngữ học	ENGL03410	3	Cơ sở ngôn ngữ học	ENGL03410	3
7	Pháp luật đại cương	GLAW03220	3	Pháp luật đại cương	GLAW03220	3
8	Giải tích	MATH03020	3	Giải tích	MATH03020	3
9	Đại số tuyến tính	MATH03010	3	Đại số tuyến tính	MATH03010	3
10	Xác suất và thống kê	MATH03030	3	Xác suất và thống kê	MATH03030	3
11	Thống kê ứng dụng	BUAD03190	3	Thống kê ứng dụng	BUAD03190	3
12	Logic học	MAIS03060	3	Logic học	MAIS03060	3

7k

STT No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
13	Hóa đại cương	BIOT03020	3	Hóa đại cương	BIOT03020	3
14	Sinh học đại cương	BIOT02010	2	Sinh học đại cương	BIOT02010	2
15	Con người và môi trường	BIOT03010	3	Con người và môi trường	BIOT03010	3
16	Nguyên lý kế toán	ACCO03010	3	Nguyên lý kế toán	ACCO03010	3
17	Marketing căn bản	MARK03010	3	Marketing căn bản	MARK03010	3
18	Hành vi tổ chức	HURM03040	3	Hành vi tổ chức	HURM03040	3
19	Kinh tế xây dựng	CIEN03100	3	Kinh tế xây dựng	CIEN03100	3
20	Quản trị nhân lực	HURM03020	3	Quản trị nhân lực	HURM03020	3
21	Giới và phát triển	SOWO03250	3	Giới và phát triển	SOWO03250	3
22	Quan hệ công chúng	MARK03160	3	Quan hệ công chúng	MARK03160	3
23	Giao tiếp liên văn hóa	SOAS03110	3	Giao tiếp liên văn hóa	SOAS03110	3
24	Phát triển sản phẩm CNSH	BIOT03400	3	Phát triển sản phẩm CNSH	BIOT03400	3
25	Quản lý môi trường	BIOT02140	2	Quản lý môi trường	BIOT02140	2
26	Dinh dưỡng người	FOTE03050	2	Dinh dưỡng người	FOTE03050	2
27	Thương mại điện tử	INBU03090	2	Thương mại điện tử	INBU03090	2
28	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO03190	3	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	ACCO03190	3
29	Hoạch định tài chính cá nhân	FIBA03230	3	Hoạch định tài chính cá nhân	FIBA03230	3

STT No.	Môn học trong chương trình 2025/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2026/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
30	Thuế và hoạt động kinh doanh	FIBA03110	3	Thuế và hoạt động kinh doanh	FIBA03110	3
31	Khởi nghiệp	BUAD03050	3	Khởi nghiệp	BUAD03050	3
32	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	INBU03040	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	INBU03040	3
Danh mục môn học đổi tên						
33	Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo	GLAW02080	2	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại và tố cáo	GLAW02080	2
34	Thực tập tốt nghiệp	GLAW04010	4	Thực tập tốt nghiệp ngành Luật	GLAW04010	4
35	Khóa luận tốt nghiệp	GLAW06010	6	Khóa luận tốt nghiệp ngành Luật	GLAW06010	6

Lưu ý: Sinh viên học các môn học tương đương, thay thế cần đảm bảo học đúng theo danh mục, không trùng với mã môn và/hoặc tên môn đã học và tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình.



2. Những lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo/Remarks for programme delivery

a. Chuẩn đầu vào - Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ không chuyên

Chuẩn đầu vào:

- Chuẩn đầu vào tiếng Anh của Trường là bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
- Trường tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh cho tân sinh viên để xếp lớp tiếng Anh phù hợp với năng lực.
- Sinh viên không đạt năng lực tiếng Anh đầu vào phải theo học trình độ tiếng Anh được xếp lớp theo trình độ Tiếng Anh căn bản 1, 2, 3, 4, 5 (Không tính vào chương trình đào tạo).

Chuẩn đầu ra:

Ngoại ngữ đạt Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Có kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả).

b. Chuẩn đầu ra Tin học không chuyên

- Đào tạo phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho đối tượng là người học trong cơ sở giáo dục đại học theo Khung năng lực số cho người học ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số).
- Người học hoàn thành chương trình đào tạo đạt được năng lực số bậc 5 đến bậc 6 theo Khung năng lực số.
- Chương trình đào tạo giúp cho người học tự học để có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

c. Tính liên thông/Transferability

- Liệt kê các môn học đảm bảo liên thông giữa các ngành học: Các môn học thuộc khối lý luận chính trị, ngoại ngữ.

STT	Tên môn	Mã môn	Số tín chỉ
1.	Triết học Mác - Lênin	POLI03010	3
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	POLI02010	2
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI02020	2

h

STT	Tên môn	Mã môn	Số tín chỉ
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI02030	2
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI02040	2
6.	Tin học văn phòng nâng cao	ADOI03010	3
7.	Tiếng Anh nâng cao 1	GEEN03060	3
8.	Tiếng Anh nâng cao 2	GEEN03070	3
9.	Tiếng Anh nâng cao 3	GEEN03080	3
10.	Tiếng Anh nâng cao 4	GEEN03090	3
11.	Tiếng Anh nâng cao 5	GEEN03100	3

- Liệt kê các CDR đảm bảo liên thông với trình độ cao hơn:

CDR	Mô tả
PLO1	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc để làm nền tảng phát triển tư duy phản biện.
PLO2	Hiểu được các vấn đề xã hội dựa trên tư tưởng chính trị trong các hoạt động học tập và thực hành.
PLO.3	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành luật nhằm giải quyết các vấn đề chuyên môn nền tảng của ngành luật.
PLO.4	Áp dụng kiến thức cốt lõi ngành luật để giải quyết vấn đề thực tiễn ở các nhóm lĩnh vực: luật hành chính; luật dân sự; luật kinh tế; luật hình sự; luật quốc tế.
PLO.5	Áp dụng các kiến thức cốt lõi ngành luật trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo định hướng của người học.
PLO.6	Kỹ năng giao tiếp, tương tác thân thiện, hiệu quả bằng lời nói hoặc bằng văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý.
PLO.7	Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phản biện, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý.
PLO.8	Năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO.9	Có khả năng ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc, tìm kiếm thông tin, tra cứu văn bản pháp luật trên môi trường internet và đáp ứng yêu cầu về năng lực số theo quy định hiện hành.

CDR	Mô tả
PLO.10	Có khả năng làm việc và chịu trách nhiệm cá nhân hoặc theo nhóm; hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; vận dụng những kiến thức và kỹ năng một cách tự chủ và có trách nhiệm trong lĩnh vực pháp luật; sáng tạo; thích ứng với môi trường nghề luật trong bối cảnh thay đổi.
PLO.11	Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ Nhân dân và cộng đồng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; trung thực, liêm chính, cần trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật.

d. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học/Course design

Trên cơ sở Chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương môn học theo quy chế của Nhà trường và quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề cương môn học cần đảm bảo một số nội dung sau đây:

- Thông tin được cung cấp trong đề cương phải chính xác, đầy đủ về môn học.
- Mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học được phát biểu rõ ràng, khoa học và phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Tài liệu môn học phải phù hợp với nội dung, yêu cầu giảng dạy; đảm bảo hàm lượng khoa học, tính mới và khả năng tiếp cận của người học, phải có đầy đủ số lượng trên Thư viện Trường theo yêu cầu của việc đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo.
- Các bài đánh giá môn học phải phục vụ cho việc đánh giá năng lực, phẩm chất của người học theo chuẩn đầu ra. Về kỹ thuật, mô tả bài đánh giá cần chi tiết, dễ hiểu; kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá; các tiêu chuẩn, tiêu chí cần được lượng hóa cụ thể.
- Nội dung môn học cần đầy đủ, vừa phải và được cấu trúc khoa học; thiết kế phù hợp với hoạt động học tập, giảng dạy, đánh giá.
- Tùy vào đặc thù của môn học, đề cương có thể đặt ra các yêu cầu đối với hoạt động học tập, giảng dạy như: tham dự lớp học; nề nếp, thái độ học tập, thảo luận; dụng cụ học tập...

3. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ môn học, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc và tự chọn khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.

- Đáp ứng các điều kiện chuẩn đầu ra theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

a) Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with thesis

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;

- Điểm Thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

b) Tốt nghiệp với các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp/Graduation with alternative course

Sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp sẽ học kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ), bao gồm hai môn học sau:

- Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 1: Kỹ năng tư vấn pháp luật ngành Luật (Mã môn học: GLAW03190, 03 tín chỉ);

- Môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2: Phân tích án ngành Luật (Mã môn học: GLAW03200, 03 tín chỉ).

